

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày: 26/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Thanh Cầm;
Bà Doãn Thị Hường.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Dư - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 22/2020/TLST-HS ngày 28/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 12/6/2020 đối với bị cáo:

Đàm Thị CH, sinh ngày 09/02/1969 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: Xóm KH, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ 4, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn Th và bà Hoàng Thị P (đều đã chết); Có chồng là Chu Văn C, sinh năm 1963; Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn từ ngày 21/01/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú tại xã T, huyện BT. Tuy nhiên, do có thay đổi về địa giới hành chính nên nay chuyển thành xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn.

1. Ông Đàm Văn Ch, sinh năm 1977, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

2. Bà Hương Thị K, sinh năm 1962, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Bà Hà Thị D, sinh năm 1975, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT,

tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Bà Bùi Thị Hoa L, sinh năm 1988, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Bà Đàm Thị H, sinh năm: 1973, trú tại: Thôn BL, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

6. Ông Trần Xuân HU, sinh năm 1993, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Ông Hoàng Văn TR, sinh năm 1977, trú tại: Thôn BL, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Bà Vũ Thị V, sinh năm 1970, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

9. Ông Triệu Đức Q, sinh năm 1987, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

10. Ông Nguyễn Công HI, sinh năm 1977, trú tại: Thôn NH, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

11. Ông Trịnh Bá HN, sinh năm 1987, trú tại: Thôn CM, xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

12. Bà Chu Ngọc D, sinh năm 1994, trú tại: Tổ 4, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa;

13. Ông Chu Văn C, sinh năm 1963, trú tại: Thôn KH, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa;

14. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Nà Vài, xã Lãng Ngâm, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có TR hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 2/2017, Đàm Thị CH, sinh năm 1969, trú tại Tổ 4, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên về thôn CM, xã T (nay là xã T), huyện BT, tỉnh Bắc Kạn thăm quê. Do CH đã từng xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động vào năm 2016, nên khi một số người dân ở xã T hỏi về việc làm bên Trung Quốc, thì CH giới thiệu bên Trung Quốc có tuyển người lao động tại các xưởng cá đông lạnh, lương tháng khoảng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đến 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Nếu ai có nhu cầu sang Trung Quốc lao động, thì chuẩn bị khoảng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) làm chi phí đi đường, khi nào đi CH sẽ thông báo và dẫn đường đi. Do không có việc làm, nên khi biết được thông tin như vậy, thì một số công dân thuộc xã T bằng nhiều hình thức khác nhau, đã liên lạc với CH, để CH đón và đưa sang Trung Quốc, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 05/02/2017, Đàm Thị CH gọi điện thoại cho em trai ruột là Đàm Văn Ch, sinh năm 1977, trú tại thôn CM, xã T, huyện BT để

nhờ Ch hợp đồng một c HN xe ô tô đưa người ở xã T, đến khu vực đường tròn Tân Long thuộc phường Tân Long, thành phố TN để gặp CH. Ch đồng ý và liên hệ xe Xuân HU, có BKS 97B-601.47, chạy tuyến Na Rỳ - Bắc Kạn. Khoảng 02 giờ sáng ngày 06/02/2017, có 11 người dân ở xã T gồm: Hương Thị K, Hà Thị D, Bùi Thị Hoa L, Đàm Thị H và Trần Xuân HU, cùng trú tại thôn CM, xã T; Vũ Văn Hiền, Hà Thị Lành, Triệu Thị Hòai, Hoàng Trung Thông và Hoàng Văn TR cùng trú tại thôn BL, xã T; Hoàng Văn N trú tại thôn CP, xã T cùng nhau ra ngã ba thôn CM, xã T để lên xe ô tô do Ch liên hệ, rồi đi xuống Thái Nguyên. Khi xe đến xã QB và xã CG, huyện BT thì có thêm một số người dân không rõ họ tên, địa chỉ cùng lên xe. Khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, xe đến đường tròn Tân Long thuộc phường Tân Long, thành phố TN. Những người trên xuống xe và được CH liên hệ xe khách đưa đến tỉnh Lạng Sơn, còn Ch đi theo xe quay về Bắc Kạn. Tại bến xe khách tỉnh Lạng Sơn, CH liên hệ đặt 02 xe ô tô nhỏ (loại xe cóc) để đưa những người trên đến khu vực biên giới, thuộc cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, CH gặp và nói chuyện với một người đàn ông lạ mặt, qua trao đổi người đàn ông đồng ý đưa những người này vượt biên sang Trung Quốc. Sau đó, CH thu tiền của: Bùi Thị Hoa L là 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*), Hoàng Văn TR là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), Trần Xuân HU là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), Hà Thị D là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), Đàm Thị H: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), Hương Thị K: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Tổng số tiền là 16.600.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*), CH đưa hết số tiền thu được cho người đàn ông lạ mặt để làm chi phí dẫn đường sang Trung Quốc. Sau đó, CH cùng người đàn ông này đưa những người nói trên vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động. Còn 05 người là Vũ Văn Hiền, Hà Thị Lành, Triệu Thị Hòai, Hoàng Trung Thông và Hoàng Văn Nghĩa, CH khai nhận được thu tiền và đưa họ vượt biên sang Trung Quốc làm thuê. Qua điều tra xác minh những người này không có mặt tại địa phương và chưa lấy được lời khai của những người này.

Lần thứ hai: Tháng 9/2017, 04 người dân ở xã T gồm: Vũ Thị V, Triệu Đức Q, Trịnh Bá HN, cùng trú tại thôn CM; Nguyễn Công HI, trú tại thôn NH, bằng các cách thức liên lạc khác nhau qua điện thoại với Đàm Thị CH, để CH về Việt Nam đón sang Trung Quốc lao động. Ngày 25/9/2017, những người trên tự đi xe ô tô khách xuống đường tròn Tân Long thuộc phường T, thành phố TN để gặp CH. Sau đó, CH đón 04 người trên lên tỉnh Lạng Sơn. Khi đến bến xe tỉnh Lạng Sơn, CH liên hệ 01 xe ô tô nhỏ (loại xe cóc) để đưa những người trên đến khu vực biên giới thuộc cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn. Khi đến biên giới thì trời tối, nên CH liên hệ nhà trọ để mọi người nghỉ qua đêm. Tại đây, CH gặp gỡ, trao đổi, đặt vấn đề với một người đàn ông lạ mặt để đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc và được người đàn ông này đồng ý. Tại nhà trọ, CH thu tiền của: Vũ Thị V số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), Nguyễn Công HI 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), Trịnh Bá HN 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và Vũ Đức Q 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). Số tiền thu được là 13.700.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng*), CH đưa hết cho người

đàn ông lạ mặt, làm chi phí dẫn đường sang Trung Quốc. Khoảng 05 giờ sáng ngày 26/9/2017, CH cùng người đàn ông lạ mặt dẫn đường đưa 04 người trên vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động.

TR hai lần tổ chức cho người khác sang Trung Quốc, mọi chi phí đi đến khu vực biên giới cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đều do những người được đưa đi tự chi trả. Tại khu vực biên giới, CH thu của những người đi những mức tiền khác nhau, tùy thuộc vào số tiền mỗi người có, khi sang đến Trung Quốc nếu ai nộp thừa sẽ được trả lại, ai nộp thiếu sẽ trừ vào lương khi làm việc bên Trung Quốc. Do thời gian xảy ra sự việc đã lâu, nên CH và những người được CH tổ chức đưa sang Trung Quốc trái phép không nhớ cụ thể số tiền đã thu nộp, không xác định được người điều khiển và các loại phương tiện, số điện thoại liên lạc cũng như địa điểm, vị trí cụ thể đã vượt biên để sang Trung Quốc. Khi ở Trung Quốc, CH có nhờ chủ xưởng sản xuất chuyển giúp tiền lương về Việt Nam cho một số người dân ở xã T, bằng cách chuyển tiền cho chồng CH là Chu Văn C, sinh năm 1963, trú tại thôn Khánh Hoà, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, thông qua Phòng giao dịch phường TĐ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên. Sau đó, C tiếp tục chuyển số tiền nhận được đến các địa chỉ người nhận tại xã T, huyện BT, thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện BT, tỉnh Bắc Kạn. CH không được hưởng lợi từ việc chuyển tiền, mà chỉ nhận lời giúp khi có người nhờ. Bản thân những người nhờ CH chuyển tiền và người nhà của họ đều xác nhận đã nhận đủ số tiền nhờ chuyển.

Ngày 10/7/2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định truy nã bị can Đàm Thị CH, đến ngày 21/01/2020, CH đã đầu thú về hành vi phạm tội. TR quá trình điều tra, tạm giữ các đồ vật sau: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, mặt sau có dòng chữ “designed for a-series” đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát, mặt sau có dòng số “0700” đã qua sử dụng; 01 (Một) ví da màu nâu, ghi kẻ ô cũ đã qua sử dụng, bên TR ví có 03 mẫu giấy nhỏ màu trắng, một mặt được ghi các dòng chữ Trung Quốc màu đen, có ô kẻ; 01 (Một) sim điện thoại có dòng chữ “WO” màu cam; 07 (Bảy) cardvist của nhà xe Trung Quốc; 8.690.000đ (*Tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*); 12 (Mười hai) tờ tiền Trung Quốc, TR đó có 07 (Bảy) tờ tiền mệnh giá một đồng nhân dân tệ, 03 (Ba) tờ tiền mệnh giá năm đồng nhân dân tệ, 01 (Một) tờ tiền mệnh giá mười đồng nhân dân tệ, 01 (Một) tờ tiền mệnh giá năm mao nhân dân tệ; 13 (Mười ba) đồng xu tròn màu bạc, 02 (Hai) đồng xu màu vàng, trên mỗi đồng xu đều có dòng chữ Trung Quốc.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-P1, ngày 27/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Đàm Thị CH về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 điều 349 BLHS năm 2015.

Điều 349 BLHS năm 2015.

“1. Người nào tổ chức... cho người khác trốn đi nước ngoài ..., nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một TR các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với từ 05 người đến 10 người;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng, hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật không oan. Bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa khẳng định lời khai của bị cáo là đúng. Tuy nhiên, việc họ đi lao động trái phép là do nhu cầu về việc làm cá nhân, nên tự nguyện liên lạc để nhờ Đàm Thị CH dẫn đường. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan TR vụ án đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án và xem xét hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đàm Thị CH từ 05 đến 07 năm tù; phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu TR hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, TR quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] TR quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Đàm Thị CH thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có TR hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

TR khoảng thời gian tháng 02 và tháng 9 năm 2017, Đàm Thị CH đã hai lần tổ chức cho 10 (Mười) người dân ở xã T, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn trốn đi Trung Quốc trái phép để làm thuê, cụ thể: Lần thứ nhất, vào ngày 06/02/2017 Đàm Thị CH đưa 06 (Sáu) người và lần thứ hai, vào ngày 25/9/2017 CH đưa 04 (Bốn) người. Quá trình đưa những người trên sang Trung Quốc, CH đã thu tổng số tiền 30.300.000đ (*Ba mươi triệu, ba trăm nghìn đồng*), số tiền trên CH đã đưa hết cho hai người đàn ông lạ mặt, làm chi phí dẫn đường sang Trung Quốc.

Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 BLHS năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự quản L Nhà nước về xuất, nhập cảnh, gây mất ổn định trật tự, trị an trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại của Nhà nước ta với các nước có người Việt Nam trốn sang cư trú bất hợp pháp. Với hành vi đã nêu của bị cáo, cần thiết p HI có hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần p HI xem xét tới việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan TR vụ án, là những người tự nguyện liên lạc để bị cáo đưa ra nước ngoài lao động trái phép và bị cáo không được hưởng lợi từ việc đưa người sang Trung Quốc.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo Đàm Thị CH có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không p HI chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. TR quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là ông Đàm Văn Thông và mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Phượng là người có công với cách mạng, có bố chồng là ông Chu Sỹ Minh là liệt sỹ TR kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan TR vụ án đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; việc bị cáo ra đầu thú tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn là một TR những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đường đi Trung Quốc đều do những người này tự nguyện đưa và đều sử dụng để chi trả cho người dẫn đường và làm chi phí đi lại, bị cáo không hưởng lợi từ số tiền này. TR quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm dân sự.

[6] Về xử L vật chứng:

- Các vật chứng gồm: 01 ví da đã qua sử dụng; 03 mẫu giấy nhỏ màu trắng, một mặt được ghi các dòng chữ Trung Quốc màu đen, có ô kẻ; 01 sim điện thoại có dòng chữ “WO” màu cam; 07 cardvist của nhà xe Trung Quốc không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với các vật chứng, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát đã qua sử dụng; số tiền 8.690.000 đồng Việt Nam; 12 tờ tiền Trung Quốc; 13 đồng xu tròn mẫu bạc và 02 đồng xu mẫu vàng Trung Quốc là tài sản của bị cáo, không liên quan đến vụ án, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo có tài sản. Do vậy, ngoài hình phạt chính, cần buộc bị cáo p HI chịu hình phạt bổ sung là “phạt tiền”.

[8] Xử L đối với những người liên quan khác:

- Anh Đàm Văn Ch là em trai ruột của bị cáo, đã giúp bị cáo thuê xe để đưa 11 người ở xã T xuống thành phố TN. Tuy nhiên, anh Ch không biết việc bị cáo đưa những người này sang Trung Quốc trái phép. Do vậy, các cơ quan chức năng không xem xét trách nhiệm của anh Ch là đúng quy định của pháp luật;

- Đối với ông Chu Văn C, sinh năm 1963, trú tại thôn Khánh Hoà, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là chồng của bị cáo Đàm Thị CH, giúp CH chuyển tiền đến các địa chỉ người thân của những người đi lao động. Ông C không biết việc CH tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, nên không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ;

- Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1988, trú tại: thôn Nà Vài, xã Lăng Ngâm, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là lái xe của nhà xe Xuân HU, ngày 06/2/2017 anh L lái xe để đưa người xuống thành phố TN theo yêu cầu của anh Đàm Văn Ch, anh L không biết những người trên xe đi đâu, do vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh L là phù hợp;

- TR vụ án còn có 05 người là Triệu Thị Hòai, Hoàng Trung Thông, Vũ Văn Hiền, Hà Thị Lành và Hoàng Văn Nghĩa được Đàm Thị CH đưa sang Trung Quốc. Qua điều tra, những người này không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xử L sau là có căn cứ;

- Đối với những người cùng Đàm Thị CH trốn đi nước ngoài trái phép, hành vi không cấu thành tội phạm, thời hiệu xử L vi phạm hành chính đã hết, nên không xem xét xử L vi phạm hành chính là đúng quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo p HI chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đàm Thị CH phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Đàm Thị CH 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/1/2020.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đàm Thị CH 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ví da màu nâu, ghi kẻ ô cũ đã qua sử dụng; 03 (Ba) mẫu giấy nhỏ màu trắng, một mặt được ghi các dòng chữ Trung Quốc màu đen, có ô kẻ; 01 (Một) sim điện thoại có dòng chữ “WO” màu cam; 07 (Bảy) cardvist của nhà xe Trung Quốc.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Đàm Thị CH: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát đã qua sử dụng; 07 (Bảy) tờ tiền mệnh giá một đồng nhân dân tệ; 03 (Ba) tờ tiền mệnh giá năm đồng nhân dân tệ; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá mười đồng nhân dân tệ; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá năm mao nhân dân tệ; 13 (Mười ba) đồng xu tròn màu bạc Trung Quốc; 02 (Hai) đồng xu màu vàng Trung Quốc; số tiền 8.690.000đ (Tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đàm Thị CH p HI chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p HI thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo TR hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo TR thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương